

VISITOR COMFORT

VISITORC

Overshoe mũi an toàn

- Dây đeo đa hư ớn g giúp bám chắc vào bàn chân
- Phù h m dọi v ớ
- Mã màu để xác định kích thư ớc
- Kích thư ớc : S(34-38) - M(39-43) - L(44-48)

Những vật liệu cao cấp hơn	Cao su (NBR)
lót bên trong	SAU ĐÓ
trong Đ	SAU ĐÓ
iữa đế g	SAU ĐÓ
ngoài Đ	Cao su (NBR)
u Đứng đầ	Nhôm
i Loạ	SR, FO
Phạm vi kích thước	EU S34-38-X44-48
ng lượng thép	0.350 kg
ẩn hiệu chu	CTC Expert statement according to the CTC CE C 002_c evaluat
chứng nhận	UKCA Certificate (UK Conformity Assessed) For Footwear CTC Expert statement according to the CTC CE C 002_c evaluat DCTU OVERSHOE (Ukraine)

5.34 kg



BLK



Mũi giày an toàn bằng **thép** Giá đ i chắ c chố ng bậ t chân ngắ n hoặc rơ



Tiger Grip công nghệ i công nghệ Tiger Grip năng và khô ng bám và cao su có các hoa văn cũng như đường rãnh cụ i thiện độ bám và độ ổn định.

Công nghiệp **n:**
lĩnh vự c ô tô, Xây dựcần g, Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi** t
Bề mặt cự c mịn , Có t u yế t và băng giá

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phẳ cách hà nhiệ Không trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	ả	ế t ơn vị u	**đo** l Đ ờn g q
goài Đ	**Cao su (NBR)**			
	Ch ố n mài mòn) ngoài (	? 150	127	mm
	Chư ố trơ gót - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ề phía t	? 0.31	N/A	ma sát
	rư ợt có ướt - G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36	0.46	ma sát
	rư ợt SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.19	N/A	ma sát
	Chư ố trơ SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.22	0.29	ma sát
	rị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	N/A	megaohm
	rị ESD Giá t	0.1 - 100	N/A	megaohm
	Hấp thụ năng l gót chân củ	? 20	N/A	J
Đ ứ n g đã	**Nhôm**			
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A	mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A	mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	N/A	24.0	mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	N/A	24.0	mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh g thái:

	Sự **miêu** t ả	ả	ế t ơn vị u	**đo** l Đ ờn g q
i **CO2** hát thả				
	V ật l iệu		3.13	kg
	Bao bì		0.05	kg
	ất Sản x u		1.90	kg
	Chuyên ch ở		0.26	kg
			5.34 kg CO2/ cặp	

	Sự **miêu** t ả	ả	ế t u	K q
ệ vật l Tiệt **tái** ch ế				
	Product		0%	
	Bao bì		0%	

Tính toán CO2:
rị đư Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán

Hướng dẫn **kích** thước:

Sizes	S					M					L				
EU	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48
UK	2,5	3	3,5	4	5	6	6,5	7	8	9	10	10,5	11	12	13
US Woman	4,5	5,5	6	6,5	7,5	8	9	9,5	10,5	10,5+					
US Men	2	3	4	4,5	5,5	6,5	7,5	8	9	10	10,5	11,5	12	13	13,5
JPN	21	21,5	22,5	23	24	25	25,5	26	26,5	27	28	29	30	31	31,5
KOR	225	230	235	240	250	255	260	265	270	280	285	295	300	310	315